

Số: 259/VEAM-TCNS
V/v mời chào giá bảo hiểm sức khỏe cho
Người quản lý, Người lao động VEAM

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2023

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp Bảo hiểm sức khỏe

Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) đang triển khai các bước lựa chọn đơn vị cung cấp Bảo hiểm sức khỏe cho Người quản lý, Người lao động tại Văn phòng Công ty mẹ VEAM.

Để có cơ sở xây dựng dự toán và triển khai thủ tục lựa chọn đơn vị cung cấp Bảo hiểm sức khỏe theo quy định, VEAM thông báo và kính mời các đơn vị quan tâm và chào giá với nội dung như sau:

1. Nội dung, phạm vi công việc: Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm.

2. Yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm: Đáp ứng các yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm (Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ chào giá

Đơn vị cung cấp Bảo hiểm sức khỏe quan tâm, nộp 01 bộ hồ sơ chào giá về Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP với nội dung như sau:

3.1. Thành phần hồ sơ chào giá:

a) *Đơn chào giá (ký, đóng dấu):* Đơn chào giá bao gồm tối thiểu (nhưng không giới hạn) các nội dung sau: Phí bảo hiểm cho từng chương trình (theo phạm vi, quyền lợi bảo hiểm tại Phụ lục 01 kèm theo) và tổng hợp phí chào. Phí bảo hiểm bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để triển khai chương trình bảo hiểm và thuế GTGT (có bảng chi tiết các khoản phí đính kèm); các quyền lợi bảo hiểm khác (nếu có)...;

b) *Hồ sơ năng lực:* Chứng minh đáp ứng yêu cầu tại mục 2 trên.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bản gốc.

4. Quy cách hồ sơ, hiệu lực hồ sơ

- Quy cách hồ sơ: Hồ sơ chào giá được niêm phong trong túi đựng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không được niêm phong theo quy định, VEAM sẽ từ chối nhận hồ sơ chào giá.

- Hiệu lực hồ sơ chào giá: 45 ngày, kể từ ngày 20/4/2023 (ngày hết hạn nộp hồ sơ chào giá)

5. Thời gian nhận hồ sơ chào giá

- Thời hạn nộp hồ sơ: Trước 15h, ngày 20 tháng 4 năm 2023.

- Hình thức nộp: Nộp trực tiếp (Không nhận hồ sơ qua đường bưu điện).
- Địa chỉ nhận hồ sơ: Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

+ Địa chỉ: Lô D, khu D1, Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội.

+ Người nhận: Bà Nguyễn Thùy Linh, Chuyên viên Ban Tổ chức Nhân sự VEAM, điện thoại: 024 6280 0802 - Máy lẻ: 402.

Lưu ý: Đề nghị cung cấp Giấy giới thiệu của đơn vị và CCCD của người nộp hồ sơ chào giá.

6. Bảo mật thông tin

VEAM chịu trách nhiệm bảo mật thông tin trong hồ sơ chào giá của các đơn vị tham gia nộp hồ sơ.

Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP thông báo và mong muốn được hợp tác cùng Quý đối tác chuyên nghiệp./.

Trân trọng ./.

(Lưu ý: Không hoàn trả hồ sơ đối với trường hợp không được lựa chọn). ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng Website;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Ban ĐTPT (để p/h);
- Lưu: VT, TCNS.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Minh Quy



Phụ lục I

PHẠM VI, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SỨC KHỎE

(Kèm theo Văn bản số 259 /VEAM-TCNS ngày 13 / 4 /2023)

TT	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM (STBH)/NGƯỜI/NĂM				
		Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3	Chương trình 4	Chương trình 5
	Số lượng dự kiến	02 người	13 người	13 người	30 người	100 người
	Phạm vi địa lý được bảo hiểm	Toàn Cầu	Châu Á	Đông Nam Á	Việt Nam	Việt Nam
I	Bảo hiểm sinh mạng <i>Bảo hiểm cho trường hợp NĐBH chết, tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do mọi nguyên nhân (không bao gồm nguyên nhân tai nạn)</i>	1.000.000.000	900.000.000	850.000.000	550.000.000	300.000.000
II	Chết, thương tật vĩnh viễn do tai nạn	1.000.000.000	900.000.000	850.000.000	550.000.000	300.000.000
1	Tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn	100% STBH	100% STBH	100% STBH	100% STBH	100% STBH
2	Thương tật bộ phận vĩnh viễn	Trả theo tỷ lệ phần trăm tỷ lệ thương tật với STBH	Trả theo tỷ lệ phần trăm tỷ lệ thương tật với STBH	Trả theo tỷ lệ phần trăm tỷ lệ thương tật với STBH	Trả theo tỷ lệ phần trăm tỷ lệ thương tật với STBH	Trả theo tỷ lệ phần trăm tỷ lệ thương tật với STBH
III	Chi phí y tế do tai nạn <i>(Theo chi phí thực tế, hợp lý, không vượt quá STBH)</i>	1.000.000.000	900.000.000	850.000.000	550.000.000	300.000.000
IV	Bảo hiểm sức khỏe					
1	Điều trị nội trú do ốm đau, bệnh tật, thai sản,...	1.200.000.000	960.000.000	870.000.000	390.000.000	250.140.000
1.1	<i>Nằm viện do ốm bệnh, sinh thường, sinh mổ, biến chứng thai sản, tối đa 60 ngày/năm (chi phí y tế cần thiết và hợp lý cung cấp bởi bệnh viện trong quá trình nằm viện)</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa 20.000.000/ngày và không quá 400.000.000/năm</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa 16.000.000/ngày và không quá 320.000.000/năm</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa 14.500.000/ngày và không quá 290.000.000/năm</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa 6.500.000/ngày và không quá 130.000.000/năm</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa 4.169.000/ngày và không quá 83.380.000/năm</i>
1.2	<i>Chi phí phẫu thuật do ốm bệnh, sinh mổ, biến chứng thai sản (chi phí cần thiết và hợp lý liên quan đến một ca phẫu thuật nội trú, phẫu thuật trong ngày hoặc phẫu thuật ngoại trú)</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa 400.000.000/năm</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa 320.000.000/năm</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa 290.000.000/năm</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa 130.000.000/năm</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa 83.380.000/năm</i>
1.3	<i>Dịch vụ xe cứu thương (không bao gồm đường hàng không và dịch vụ cứu trợ IPA)</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa 400.000.000/năm</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa 320.000.000/năm</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa 290.000.000/năm</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa 130.000.000/năm</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa 83.380.000/năm</i>
1.4	<i>Trợ cấp nằm viện (Tối đa 60 ngày/năm)</i>	<i>400.000/ngày</i>	<i>320.000/ngày</i>	<i>290.000/ngày</i>	<i>130.000/ngày</i>	<i>83.380/ngày</i>
1.5	<i>Chi phí trước khi nhập viện theo chỉ định của bác sĩ</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa 20.000.000/năm</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa 16.000.000/năm</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa 14.500.000/năm</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa 6.500.000/năm</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa 4.169.000/năm</i>
1.6	<i>Chi phí điều trị sau khi xuất viện</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa</i>	<i>Chi phí thực tế tối đa</i>

TT	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM (STBH)/NGƯỜI/NĂM				
		Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3	Chương trình 4	Chương trình 5
		20.000.000/năm	16.000.000/năm	14.500.000/năm	6.500.000/năm	4.169.000/năm
1.7	Chi phí y tá chăm sóc tại nhà	Chi phí thực tế tối đa 20.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 16.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 14.500.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 6.500.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 4.169.000/năm
1.8	Phục hồi chức năng	Chi phí thực tế tối đa 40.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 32.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 29.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 13.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 8.338.000/năm
1.9	Chi phí dưỡng nhĩ	600.000/năm	600.000/năm	600.000/năm	600.000/năm	600.000/năm
1.10	Trợ cấp mai táng	2.000.000/vụ	2.000.000/vụ	2.000.000/vụ	2.000.000/vụ	2.000.000/vụ
1.11	Quyền lợi thai sản	Chi phí thực tế tối đa 400.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 320.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 290.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 130.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 83.380.000/năm
2	Điều trị ngoại trú (do ốm đau, bệnh tật) - Chi phí khám bệnh, - Tiền thuốc theo kê đơn của bác sỹ - Chi phí xét nghiệm, chuẩn đoán hình ảnh trong việc điều trị bệnh thuộc phạm vi bảo hiểm - Điều trị bằng các phương pháp vật lý trị liệu, trị liệu học bức xạ, nhiệt, liệu pháp ánh sáng và các phương pháp điều trị khác tương tự do bác sỹ chỉ định - Điều trị răng -	30.000.000	30.000.000	25.000.000	20.000.000	15.000.000
3	Trợ cấp lương trong thời gian nghỉ điều trị do tai nạn	Tối đa 450.180.000/năm	Tối đa 350.280.000/năm	Tối đa 310.140.000/năm	Tối đa 210.060.000/năm	Tối đa 130.140.000/năm

Ghi chú: Số lượng người có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế



Phụ lục II

TIÊU CHÍ LỰA CHỌN ĐƠN VỊ CUNG CẤP BẢO HIỂM SỨC KHỎE

(Kèm theo Văn bản số 259 /VEAM-TCNS ngày 13 / 4 /2023)

TT	Nội dung	Yêu cầu	Ghi chú
1	Năng lực	- Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ bảo hiểm sức khỏe, có Giấy phép thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. - Có Văn phòng Chi nhánh/Văn phòng đại diện tại các thành phố trực thuộc Trung ương. - Chấp nhận chi trả các chi phí phát sinh về dịch vụ y tế (có hóa đơn, chứng từ,...hợp lệ) tại tất cả các phòng khám, bệnh viện.	
2	Kinh nghiệm	Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ Bảo hiểm sức khỏe. Có kinh nghiệm trong việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm sức khỏe với đơn vị có số lượng người tham gia bảo hiểm/hoặc giá trị hợp đồng bảo hiểm tương đương với gói dịch vụ này trở lên	Chứng minh bằng tối thiểu 01 hợp đồng có giá trị bảo hiểm/số người tham gia bảo hiểm tương tự
3	Tiêu chí khác	- Miễn thời gian chờ đối với trường hợp ốm đau, bệnh tật thông thường; điều trị bệnh đặc biệt, bệnh có sẵn. - Có dịch vụ tư vấn, hỗ trợ khách hàng 24/7	